TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Huy Toàn**

Bà **Lê Thị Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T – Sinh năm: 198

Nơi cư trú: Số B, phường T, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn K – Sinh năm: 198

Nơi cư trú: Tổ dân phố 02, phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2020, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày:* Bà T và ông Nguyễn K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa vào năm 201 . Quá trình chung sống giữa bà T và ông K thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 201 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn K.

Về con chung: Vợ chồng có duy nhất một con chung tên Nguyễn T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 201 . Khi ly hôn bà T xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về sự vắng mặt của ông K, bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà T đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải vì bị đơn đã cố tình vắng mặt.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn K:* Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông K cố tình không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Đối với bị đơn ông Nguyễn K đã được Tòa án triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ nhưng ông K cố tình không có mặt tại Tòa để làm việc nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T được ly hôn với ông Nguyễn K.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 201 cho bà Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn K đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai tại địa phương và nơi cư trú các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn K.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn K và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn T và ông Nguyễn K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05/201, quyển số 01/201 ngày 10/01/201 . Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn T và ông Nguyễn K là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy:

Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được. Đã từ lâu, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa, ông K vẫn cố tình vắng mặt nên coi như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Qua đó, cho thấy ông K không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống chung hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có duy nhất một người con chung là cháu Nguyễn T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 201; bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến tuổi trưởng thành; bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy: Trong vụ án này, từ khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, cháu T1 đang đi học và sống ổn định cùng với mẹ. Do đó,

quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu T1 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa, ông Nguyễn K vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn T phải chịu án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T được ly hôn với ông Nguyễn K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn T1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 201 cho bà Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn T không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009425 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn T đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thùy My

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND p. Ninh Hiệp khi án có hiệu lực (theo Giấy CNKH số 05/201, quyển số 01/201 ngày 10/01/201);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.